

NHỮNG GIAI THOẠI VỀ ĐỨC ĐẾ THÍCH (SAKKA)

Thiên Vương cõi Đạo Lợi sở dĩ được mang mỹ danh *Sakka* (tàu âm là Đế Thích) vì hai lý do sau:

- *Sakkaccam dānam dadātīti sakko*: Ngài có điểm đặc biệt là luôn bố thí đến người khác bằng một sự trân trọng, cẩn thận.

- *Asure jetum sakkujātīti sakko*: Ngài là một thiên chủ có khả năng đánh bại các nhóm A-tu-la.

Quyền lực của Đức Đế Thích rất lớn, chi phối cả hai cõi Đạo Lợi và Tứ Thiên Vương. Toà cung điện *Vejayantu* của Ngài cao 1000 do tuần, chung quanh đầy những cột cờ. Mỗi cột cờ cao 300 do tuần và được cấu tạo toàn bằng bảy báu. Cỗ xe của Đức Đế Thích cũng tên *Vejayanta*. Phần trước của xe là chỗ ngồi của thiên tử xa phu. *Mātali* dài 50 do tuần. Phần giữa là chỗ ngồi của Đức Đế Thích, dài 50 do tuần. Chiều dài của cả cỗ xe là 150 do tuần. Lòng xe rộng 50 do tuần. Nếu đo giáp vòng toàn bộ cỗ xe thì là 400 do tuần. Chiếc ngựa toạ trong xe được cấu tạo bằng bảy báu, dài 50 do tuần, rộng cũng 50 do tuần. Cây lọng trắng che ngựa toạ cao 3 do tuần. Mỗi khi Đức Đế Thích đi đâu thì có 1000 vị trời biến thành một đàn ngựa thuần chủng *Sindhū* kéo xe cho Ngài và điều khiển họ là thiên tử *Mātali*.

Ngoài những lúc đi xe như vậy, Đức Đế Thích còn đi voi con ngựa tượng của Ngài cỡi, thật ra là do một thiên tử tự biến thành vị thiên tử ấy tên là *Erāvaṇa* nên khi đã hoá thành ngựa tượng cho Đức Đế Thích cũng được gọi là con voi *Erāvaṇa* kỳ thật trong cõi Chư Thiên không có loài bàng sanh. Trong bộ *Sāratthadīpanītikā* cũng nói như vậy:

Sakkassa pana erāvaṇo nāma hatthī diyadḍhayojana-satiko so pi devaputtoyevan na hi devalokasmim. Tiracchānagatā honti!

Ngựa tượng *Evāraṇa* cao 150 do tuần, có 33 cái đầu: Mỗi cái đầu có bảy chiếc ngà. Vậy 33 cái đầu có tới 231 chiếc ngà. Mỗi chiếc ngà dài 50 do tuần và có 7 hồ sen trong đó. Mỗi hồ sen có 7 bụi sen. Mỗi bụi sen có 7 cái hoa. Mỗi hoa sen có 7 cánh sen. Trên mỗi cánh sen có 7 nàng thiên nữ khiêu vũ cho Đức Đế Thích thưởng ngoạn. Như đã nói, voi *Evāraṇa* có đến 33 cái đầu, cái đầu chính giữa có đội một tiểu điện (*maṇḍapa*) cao 12 do tuần rộng 50 do tuần. Trong toà tiểu điện này lại có một bảo toạ bằng ngọc *maṇi* rộng một do tuần dành riêng cho Đức Đế Thích. Chung quanh tiểu điện có treo nhiều chiếc phong linh¹². Mỗi chiếc dài một do tuần, chỉ cần một cơn gió qua là chúng tự phát ra âm thanh hấp dẫn như tiếng đàn. Đức Đế Thích cũng có hai mắt như các thiên nhân khác, nhưng nhãn lực của Ngài rất tinh tường, tương đương với cả ngàn con mắt khác cộng lại, cho nên Ngài còn được gọi là vị có ngàn

¹² Một đồ chơi nghệ thuật, gồm nhiều miếng kim loại treo lủng lẳng, mỗi khi có gió thổi thì phát ra tiếng nhạc.

mắt (thiên nhân Đại vương). Như trong *Sarabhaṅgajā takatthakathā* đã viết:

Sahassanettānaṃ devānaṃ dassanūpacārātikamanasa-matthoti sahasanettoti.

Người nào muốn trở thành thiên chủ Đế Thích cũng phải thực hành chín chắn bảy pháp sau đây:

1. Phụng dưỡng cha mẹ
2. Quý kính người trưởng thượng trong dòng họ
3. Nói lời từ hoà, cam ngôn
4. Tuyệt đối không nói đâm thọc
5. Không bòn xén, keo kiệt
6. Phải luôn tôn trọng sự thật trong cả hành động lẫn lời nói
7. Nỗ lực đè nén lòng sân hận.

- Như ở *Ekanipātajātaka-atthakathā* cũng xác nhận điều đó.

Mātāpettibharam jantum

Kule jetthāpacāyinaṃ

Sanhaṃ sakhilasambhāsam

Pesuneyyappahāyinaṃ

Maccheravinaye yuttam

Saccaṃ kodhābhibhum naram

Tam ve devā tāvatimsā

Āhu sappuriso iti!

THÍNH ĐƯỜNG (SUDHAMMĀ)

Như đã nói, trên Đạo Lợi có sáu khu vườn. Trong đó có bốn hoa viên công cộng (công viên) và hai hoa viên đặc biệt. Vườn *Mahāvana* được gọi là hoa viên đặc biệt vì ở đây là chỗ nghỉ ngơi dành riêng cho Đức Đế Thích trong những khi Ngài muốn tịnh dưỡng tinh thần, thư giãn oai nghi. Còn hoa viên *Puṇḍrika* sờ dĩ cũng được kể vào dạng hoa viên đặc biệt là vì tại đó có những thánh tích quan trọng, thiêng liêng mà không một khu hoa viên nào có được. Thứ nhất, ngôi tháp ngọc bích *Cūlmani* (nơi tôn trí chiếc răng nhọn bên phải của Đức Phật cùng với mớ tóc của Ngài cắt bỏ trong lúc xuất gia) kể đến là bảo tọa *Pandukam-bala* dưới gốc cây *Pāricchattaka* nơi bậc Đạo sư đã thuyết tạng Thắng Pháp. Địa điểm quan trọng cuối cùng của hoa viên *Puṇḍarika* là thính đường *Sudhammā*, chỗ Chư Thiên tụ tập trong những dịp pháp hội. Phần trước đã nói ít nhiều về hai thánh tích đầu nên bây giờ giải về thính đường *Sudhammā*.

Thính đường này là tụ điểm họp mặt của tất cả thiên chúng ngoan đạo vào những buổi pháp đàm hay thính pháp do Đức Đế Thích làm chủ tọa. Thính đường cao 500 do tuần, bên trong rộng 300 do tuần nếu đo giáp vòng cả chu vi chung quanh thì là 1200 do tuần và được cấu tạo toàn bằng bảy báu. Nền thính đường bằng ngọc pha lê, các

hàng cột đều bằng vàng, phần còn lại đều bằng một trong bảy báu. Bên trong thính đường có một pháp tọa cao là 33 chỗ ngồi dành cho Đức Đế Thích và 32 vị thiên soái thân tín. Từ chỗ đó trở ra là chỗ ngồi của tất cả thiên chúng, hễ ai đại uy lực thì ngồi gần pháp tọa một chút, ai kém hơn thì ngồi xa hơn một chút, cứ thế và cứ thế. Thính đường *Sudhammā* nằm bên gốc cây *Paricchattaka*.

Cây *Paricchatta* mỗi năm trở hoa một lần. Trước khi có hoa trở, tất cả lá trên cây đều úa màu. Thấy hiện tượng này, chư thiên rất vui mừng vì nghĩ tới ngày được thưởng thức những đặc điểm thù diệu của hoa *Paricchatta*. Tới ngày hoa trở, trên cây không còn một chiếc lá vì đã rụng hết và chỉ còn lại đầy những hoa với hoa. Hoa *Paricchatta* màu đỏ thắm, toả ánh sáng khắp cả 500 do tuần vuông và mùi thơm của nó bay xa hàng trăm do tuần. Để có được hoa, Chư Thiên không cần phải leo cây, hay dùng sào chọc, mà tự nhiên có một luồng gió tên *Kantana* thổi đến làm rụng các bông hoa mà họ muốn hái. Rồi Chư Thiên cũng khỏi phải lấy đồ hứng chúng làm gì, bởi ngay lúc đó có một luồng gió khác tên *Sampaticchana* bay đến quỵện lấy các bông hoa đó, nâng cho chúng không rơi xuống mặt đất. Tiếp theo, có nhiều luồng gió nữa thổi tới; mỗi luồng gió làm một việc. Gió *Pavesana* cuốn tất cả bông hoa ấy đưa vào thính đường *Sudhammā*, gió *Sammajjana* (tuệ phong) có nhiệm vụ đẩy ra ngoài những bông hoa đã héo, gió *Santhaka* có nhiệm vụ phân bố các bông hoa tươi ra khắp nơi trong thính đường, không cho chúng gom đống, hay dồn cục vào nhau.

Mỗi khi tới giờ khai mạc pháp hội, Đức Đế Thích cầm cây kèn xà cừ tên *Vijayuttara* thổi vang rền cả kinh đô của Đạo Lợi, để triệu tập thiên chúng. Cây kèn xà cừ này dài 120 hắc tay. Mỗi lần vua trời thổi kèn như vậy, dư âm của nó cứ ngân vang, suốt cả bốn tháng nhân loại mới thật sự chấm dứt. Nói về chư thiên Đạo Lợi, sau khi nghe tiếng kèn ấy, lập tức bay đến tề tựu tại thánh đường *Sudhammā*. Hào quang từ thân thể và các món trang sức của mỗi vị trời đã làm chói rọi cả thánh đường mênh mông đó. Còn riêng về Đức Đế Thích sau khi dùng cây kèn triệu tập thiên chúng *Vejayanta*, leo lên ngự trượng *Evāraṇa* để đi đến thánh đường. Thiên chúng tùy giá của Đế Thích có tới 36 triệu vị trời.

Thành phần pháp sư trong các buổi pháp hội như thế, thường là phạm thiên *Samakumāra (sanaṅkumāra)* hay chính thiên vương Đế Thích, đôi khi là một hiền trí nào đó.

Từ cõi Đạo Lợi lên tới cõi Tha Hoá Tự Tại, cõi nào cũng có một thánh đường *Sudhammā* cả.

Trước khi bậc Đạo Sư ra đời, Đức Đế Thích chi hơn các thiên chúng Đạo Lợi trên khía cạnh quyền lực mà thôi, còn về các mặt phước lộc khác như dung sắc, hào quang, đền đài trú xứ thì rất hạn chế, thua kém so với một số thiên tử cùng cõi. Mãi về sau, lúc Phật pháp đã được xiển dương rộng rãi, Đức Đế Thích mới có cơ hội tạo trử thêm công đức bỏ tước những mặt phước lộc mà lẽ ra một vị thiên vương không nên thua sút ai

Nỗi mặc cảm của một đấng thiên vương khi thấy thần dân của mình vượt trội mình về phương diện hạnh phúc luôn luôn đè nặng tâm hồn Đức Đế Thích. Nỗi buồn phiền đó đã đem lại cho Ngài nhiều suy nghĩ. Ngài đã nhận ra một điều là ngôi vị thiên chủ của mình chỉ được hình thành từ một quá trình tu tạo phước báu đối với chư Thánh nhân trong đời quá khứ, cho nên bây giờ họ là những vị thù thắng hơn Ngài về nhiều mặt phước lộc. Biết được yếu điểm của mình, Đức Đế Thích quyết tâm tìm lấy một cơ hội để san bằng sự chênh lệch đó. Và cơ hội ấy đã đến với Ngài hay nói đúng hơn, Ngài đã nhìn thấy nó và cố không để vượt mất.

Ngày nọ, trưởng lão *Mahākassapa* (Đại Ca Diếp) vừa xuất khỏi thiền diệt, với lòng bi mẫn vô bờ đối với những chúng sanh khổn khổ, Ngài đã ôm bát đi vào một xóm nghèo để khất thực. Từ thiên giới Đế Thích biết được suy nghĩ của Trưởng Lão, Ngài mừng quá, nên đã cùng vợ là Hoàng Hậu *Sujātā* bay xuống cõi người, rồi cả hai biến thành một đôi vợ chồng già đang ngồi dệt vải trong một căn nhà tồi tàn ở xóm nghèo ấy, chỗ mà lát nữa Đức Trưởng lão *Mahākassapa* sẽ đi ngang qua. Thế rồi như đã hẹn trước, sau khi đi tuần tự, nhà này qua nhà khác, Trưởng lão *Mahākassapa* đã dừng lại trước căn nhà tồi tàn của đôi vợ chồng già nọ. Họ dẫn nhau ra đặt bát cho Ngài. Lúc đầu Trưởng lão không để ý đến đôi vợ chồng già ấy là ai, vì cử chỉ, cung cách của họ cũng tự nhiên như bao tín gia ngoan đạo khác. Nhưng rồi nhìn qua các thức thực phẩm thơm ngát mà đôi vợ chồng già nọ vừa cúng dường,

Trưởng lão *Mahākassapa*, liền biết ngay rằng đó là vợ chồng thiên chủ Đế Thích. Thế rồi Trưởng lão lên tiếng trách cứ thiên chủ Đế Thích:

- Thiên vương nên hiểu rằng hôm nay ta cố tình thực hiện một cuộc hoá độ, nhưng người nghèo túng khổ khó, chớ nào phải nhận vật cúng dường của một người đại phước như Ngài đâu.

Đức Đế Thích vội thưa Trưởng lão:

- Bạch Ngài, nếu nói về mặt phước lộc thì con cũng là một kẻ khổn khó. Vì với cương vị thiên chủ cõi Đạo Lợi mà con vẫn thua kém các thiên tử khác về nhiều mặt vật chất bởi họ đã từng tạo trử. Công đức nơi chư Thánh nhân còn riêng con thì chưa từng ạ, nên hôm nay con muốn được cúng dường một bậc hiền thánh như Ngài. Tất cả chi có vậy, thưa Trưởng lão.

Được Trưởng lão *Mahākassapa* thọ thí, vợ chồng Đức Đế Thích bay về thiên giới. Kể từ đó, ngài có đầy đủ mọi khía cạnh thiên lạc và trở thành một thiên vương đứng nghĩa.

Về sau, lúc sắp mệnh chung thiên chủ Đế Thích xuống yết kiến Đức Phật để thỉnh pháp, và nhờ vậy chứng được sơ quả. Chứng sơ quả xong, Đức Đế Thích mệnh chung ngay trước mặt Đức Phật và lập tức tái sinh trở lại làm thiên vương như cũ. Hết kiếp thiên vương này, Ngài sẽ sanh xuống cõi người để trở thành một vị Chuyển Luân Vương. Hết kiếp Chuyển Luân Vương Ngài lại tái sinh về Đạo Lợi. Ở kiếp Chuyển Luân Vương Ngài tiến đạt nhị

quả. Ở Đạo Lợi bận này Ngài tiến đạt tam quả rồi sau đó sanh lên cõi Tịnh Cư thứ nhất. Sau khi lần lượt sanh đủ năm cõi Tịnh Cư, Ngài mới chứng ngộ Tứ quả và Níp Bàn luôn trên cõi ấy đó là y cứ theo bộ *Sumaṅgalavilāsīnī*.

Như vậy là chúng ta đã đi qua một vòng luân hồi của một đời sống nhân loại. Trong đời sống luân hồi này, chúng ta đã chứng kiến được những cảnh tượng mà chúng ta đã từng nghĩ rằng là không thể có được. Đó là những cảnh tượng mà chúng ta đã từng nghĩ rằng là không thể có được.

Đức Đế Thích vội thưa Trưởng lão:

- Bạch Ngài, nếu nói về mặt phước lộc thì con cũng là một kẻ khổn khó. Vì với cương vị thiên chủ cõi Đạo Lợi mà con vẫn thua kém các thiên tử khác về nhiều mặt vật chất bởi họ đã từng tạo trử. Công đức nơi chư Thánh nhân còn riêng con thì chưa từng ạ, nên hôm nay con muốn được cúng dường một bậc hiền thánh như Ngài. Tất cả chi có vậy, thưa Trưởng lão.

Được Trưởng lão *Mahākassapa* thọ thí, vợ chồng Đức Đế Thích bay về thiên giới. Kể từ đó, ngài có đầy đủ mọi khía cạnh thiên lạc và trở thành một thiên vương đứng nghĩa.

Về sau, lúc sắp mệnh chung thiên chủ Đế Thích xuống yết kiến Đức Phật để thỉnh pháp, và nhờ vậy chứng được sơ quả. Chứng sơ quả xong, Đức Đế Thích mệnh chung ngay trước mặt Đức Phật và lập tức tái sinh trở lại làm thiên vương như cũ. Hết kiếp thiên vương này, Ngài sẽ sanh xuống cõi người để trở thành một vị Chuyển Luân Vương. Hết kiếp Chuyển Luân Vương Ngài lại tái sinh về Đạo Lợi. Ở kiếp Chuyển Luân Vương Ngài tiến đạt nhị

GIAI THOẠI VỀ A-TU-LA VƯƠNG RĀHU

Trong Đạo Lợi thiên chúng có một vị trời tên là *Asurindarāhu*, thân hình to lớn hơn bất cứ vị thiên nào trong sáu cõi trời Dục giới. Chiều cao của vị này là bốn ngàn tám trăm do tuần. Hai vai rộng 1200 do tuần, vòng tròn thân mình là 600 do tuần, bàn tay và bàn chân to đến 200 do tuần, vầng trán rộng 300 do tuần, cái đầu to 900 do tuần. Chỗ sâu nhất của đại dương chỉ ngập tới đầu gối *Asurindarāhu*. Những gì vừa nói đều y cứ vào *Suttantamahāvaggatthakathā*:

- Rāhu asurindo pana pādantato yāva kesantā yojanānaṃ cattārisahassāni aṭṭha ca satāsi honti, tassa dvinnamaṃ bāhānaṃ antaraṃ dvādasayojanasatikāṃ bahalatthena chayojanasatikāṃ, hatthapādatalāni puthulato dviyojanasatāni, tiyojanasatikāni nāsikā, tathā mukhaṃ, ekekaṃ aṅgulipabbaṃ paññāsayajanaṃ, tathā bhamukantaraṃ, nalāṭaṃ tiyojanasatikāṃ, sisamaṃ navayojanasatikāṃ, tassa mahāsamuddaṃ otiṇṇassa gambhīraṃ udakaṃ janupamānaṃ hoti!

(Với hình thù như vậy, ta thấy thân thể vị này rất quái dị bởi không cân đối tí nào cả)

Asurindarāhu là phó vương dưới cõi A-tu-la (đáy núi Tu Di) và thường cao ngạo, tự mãn về vóc dáng đồ sộ của mình, nên dù được nghe chư thiên, tán dương Đức Phật

thế nào đi nữa, vị ấy cũng không chịu đến yết kiến Ngài, bởi vì nghĩ rằng với thân hình khổng lồ như mình thì muốn tới gặp bậc Đạo Sư phải khom lưng hết mức mới có thể trò chuyện với Ngài; mà đường đường vị A-tu-la vương thế này lại hạ mình tột độ trước người khác thì làm sao chịu nổi. Thế là *Rāhu* chưa bao giờ xuống cõi người để hầu Phật cả. Một hôm vì nghe Chư Thiên báo rằng bậc Đạo Sư có ân đức vô lượng, *Rāhu* bèn tò mò muốn xuống gặp Ngài một bận xem sao. Rồi *Rāhu* đi xuống cõi nhân loại.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn biết được tư tưởng của *Rāhu*, Ngài suy nghĩ: “Ta phải dùng oai nghi nào để hoá độ nó đây?” Ngài đã quyết định chọn oai nghi nằm vì như vậy mới làm cho *Rāhu* khiếp phục. Rồi bậc Đạo Sư bảo *Ānanda* đem chiếc giường của Ngài ra đặt bên ngoài hương thất và Ngài lên nằm trên đó. Nói về *Rāhu* sau khi đến chỗ Đức Phật đã phải ngễnh cổ lên để nhìn Ngài giống như đứa bé nằm mặt trắng vậy, thế rồi bậc Đạo Sư bảo *Rāhu*:

- Này *Rāhu*, người thấy ta thế nào?

Rāhu vội kính cẩn thưa với Ngài:

- Bạch Thế Tôn! Con không biết uy lực vô lượng của Ngài nên không chịu đến hầu Ngài, chứ nếu con biết Ngài như thế này thì có lẽ con sẽ không dám cao ngạo đâu ạ!

Bậc Đạo Sư từ tốn nói với *Rāhu*

Này *Rāhu*! Khi tu tạo Ba la mật, Như Lai chưa bao giờ cúi mặt bắt lực trước pháp độ nào, Như Lai chỉ biết ngăn đầu đối mặt. Khi tu tạo pháp độ, Như Lai không hề biết tới

sự chùn chân, lùi bước trước trở lực nào; do đó, khi muốn nhìn Như Lai ai cũng phải ngược mặt chớ không phải cúi khom xuống như người nghĩ đâu *Rāhu* ạ!

Sau đó Ngài thuyết một thời pháp cho *Rāhu* nghe và an lập vị ấy vào Tam quy.

Đến 55 năm sau khi Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 56 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 57 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 58 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 59 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 60 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 61 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 62 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 63 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 64 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 65 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 66 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 67 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 68 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 69 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 70 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 71 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 72 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 73 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 74 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 75 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 76 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

Đến 77 năm sau Phật nhập niết bàn, vua Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho các quan địa phương đem dân ở các vùng này về kinh đô để xây dựng lăng mộ.

BIỆT GIẢI BÓN CÔI DỤC THIÊN CÒN LẠI

Trước hết nói về côi Dạ Ma (*yāma*), tên gọi này xuất phát từ các lời giải tự dưới đây:

- *Dukkhatō yātā upagatāti yāmā* (căn yā + ma) (gọi là Chư Thiên *Yāma* vì đời sống của họ hoàn toàn cách biệt với mọi nhọc nhằn đau khổ)

- *Dibbasukhaṃ yātā payātā sampattāti yāmā* (căn ya + ma) (gọi là Chư Thiên Dạ Ma chỉ đời sống ở đây chỉ biết đến thiên lạc)

- *Yāmānaṃ nirāsā yāmā (nivāsataddhita)*: (gọi là côi Dạ Ma vì đó là trú xứ của những thiên nhân, chỉ biết tới thiên lạc, chưa từng biết tới sự nhọc nhằn)

Lại nữa, vị thiên chủ của tầng trời Dục giới thứ ba này cũng mỹ danh, là *Yāma* hay *Suyāma* nên đó cũng là lý do, tại sao côi này được mang tên là côi Dạ Ma. Cũng như thiên chủ côi Đâu Xuất (*Tusita*) có mỹ danh *Santusita*, thiên chủ côi *Nimmānarati* có mỹ danh *Nimmita* hay *sunimmita*, thiên chủ côi *Paranimmita* có mỹ danh *Paranimmita* vậy. Vì thế côi Dạ ma còn được định nghĩa cách khác:

- *Yāmanāmakassa devarājassa bibbattoti yāmo* (được gọi là côi Dạ Ma vì đây là trú xứ của thiên chủ *Yāma*)

Cõi trời Dạ Ma này hoàn toàn nằm trên hư không nên không có hạng thiên chúng Địa Cư Thiên như ở hai cõi dưới. Đền đài, thiên lạc, thân tướng của Chư Thiên Dạ Ma hơn hẳn Chư Thiên Đạo Lợi, cả tuổi thọ cũng thế. Chiều rộng hơn của cõi này vươn ra đến tận bức vách vũ trụ mà trong không gian bao la đó đầy những cung điện của thiên chúng Dạ Ma.

Kể đến, nói về cõi Dục Thiên thứ tư là tầng trời Đâu Xuất (*Tusita*), ta hãy tìm hiểu ý nghĩa của tên gọi này qua câu giải tự dưới đây:

- *Niccāṃ tusanti ettha nibbatā devāti tusitā* (gọi là cõi Đâu Xuất vì thiên chúng ở đây lúc nào cũng vui tươi, hân hoan cả)

Quả thật vậy, Chư Thiên cõi Đâu Xuất không bao giờ biết buồn phiền, ưu tư bởi điều kiện sống trên đó không có gì để họ phải như vậy cả, dù chỉ chút ít, cho nên trong bộ *Anāgatavaṃsa-atthakathā* có ghi rằng kiếp cuối cùng trước khi giáng sanh xuống cõi người để thành đạo, bất kỳ vị Bồ Tát Toàn Giác nào cũng đều sanh lên cõi Đâu Xuất. Như trường hợp Bồ Tát Di Lạc cùng nhị vị chỉ thượng tinh văn, của mình trước khi giáng sanh xuống cõi nhân loại cũng phải sanh lên Đâu Suất, chờ đợi khi nào hạn định tuổi thọ của loài người vừa đúng tám muôn năm thì các vị mới sanh xuống. Điều này cho thấy rằng về một phương tiện nào đó, cõi Đâu Xuất thù thắng hơn tất cả cõi trời khác.

Tiếng *Tusita* còn được giải tự theo cách khác: *Attano sīrisampattiyā tusāṃ pīṭiṃ itā gatāti tuṣitā* (Chư Thiên cõi

Đâu xuất là những vị tự hải lòng thoả mãn, với thiên lạc của mình) vậy thì:

- *Tusitānaṃ nivāsa tusitā* (cõi Đâu Suất là trú xứ của những vị thiên nhân hải lòng, thoả mãn với mức độ thiên lạc cực kỳ đầy đủ của mình)

Cõi Đâu Suất cách cõi Dạ Ma bốn muôn hai ngàn do tuần. Thiên chúng ở đây hoàn toàn không có hạng Địa Cư Thiên, vì chỉ sống trên hư không, cung điện, thiên lạc, thân tướng, tuổi thọ ở cõi Đâu Suất hơn hẳn cõi Dạ Ma.

Tiếp theo là nói về cõi Hoá Lạc (*Nimmānarati*). Sở dĩ có tên gọi như vậy là vì y cứ vào lý do sau đây:

- *Yathārucite bhoge suyameva nimminivā nimminivā ramanti etthāti nimmānarati* (gọi là cõi Hoá Lạc vì thiên chúng tại đây muốn hưởng thụ thiên lạc nào thì cứ tự tiện hoá hiện ra mà hưởng thụ tuỳ thích).

- *Nimmāne rati etesanti nimmānaratino* (thiên chúng cõi Hoá lạc là những vị hưởng thụ các khoái lạc do tự mình hoá hiện)

- *Nimmānaratīnaṃ nivāsa nimmānaratī* (cõi trời Hoá Lạc là trú xứ của những vị thiên nhân tự hoá hiện các vật chất khoái lạc để thụ hưởng)

Chư Thiên trong bốn cõi trời thấp thì còn có đôi có cặp vấn đề quan hệ tình cảm, riêng về chư thiên ở hai cõi Hoá Lạc và Tha Hoá Tự Tại thì không có như vậy, dù thiên nam hay thiên nữ cũng đều độc thân. Ở cõi Hoá Lạc, khi nào muốn vui thú, khoái lạc nhục cảm, các thiên nam,

thiên nữ chỉ việc hoá hiện ra một thiên nhân khác phái là xong, họ sẽ cùng với thiên nhân vô tri ấy gần gũi xác thịt.

☞ Cõi Hoá Lạc các cõi Đâu Suất bốn muôn hai ngàn do tuần, cũng toàn là hạng không cư thiên và các khía cạnh vật chất như đèn đài, thân tướng tuổi thọ đều hơn hẳn cõi Đâu Suất.

☞ Cõi dục thiên cao nhất là cõi Tha Hoá Tự Tại (*Paranimmitavasavattī*). Sau đây là lý do của tên gọi đó:

- *Attano rucim nātvā parehi nimmitesu bhogesu vasam vattanti etthāti paranimmitavasavattī* (gọi là cõi Tha Hoá Tự Tại vì thiên chúng ở đó muốn thụ hưởng thiên lạc nào thì tự nhiên có người khác biết ý, và hoá hiện ra cho hưởng thụ ngay)

- *Paranimmitavasavattīnam nivāsā paranimmitavasavattī* (trú xứ của những thiên nhân thụ hưởng khoái lạc do người khác hoá hiện được gọi là cõi Tha Hoá Tự Tại)

☞ Tức là mỗi khi Chư Thiên trên tầng trời này muốn hưởng thụ vật chất, bất kỳ món nào, thì các vị trời bộ hạ của họ lập tức biết ý và hoá hiện ra cho thụ hưởng ngay, kể cả những lúc họ muốn vui thú xác thịt. Chính vì thế, Chư Thiên Tha Hoá Tự Tại cũng không có vợ chồng hay tình nhân riêng như Chư Thiên dưới bốn cõi trời thấp nhất. Về khía cạnh này, cõi Hoá Lạc và Tha Hoá Tự Tại giống nhau.

☞ Cõi Tha Hoá Tự Tại cách cõi Hoá Lạc bốn muôn hai ngàn do tuần và mọi phương diện vật chất đều vượt trội hơn Hoá Lạc Thiên.

Thiên chủ của cõi Tha Hoá Tự Tại là thiên tử *Vasavattimāra*, vị trời mà ta vẫn gọi là Ác Ma hay Ma Vương. Quyền lực của vị này rất lớn, chi phối cả 6 cõi trời Dục giới Ác Ma thiên tử vốn không tin mộ Phật Giáo và đã nhiều lần khuấy phá Đức Thế Tôn, kể từ buổi Ngài bỏ ngôi vua đi xuất gia cho đến lúc viên tịch Níp Bàn. Khi Phật lịch đã trải qua 300 năm, tại kinh đô *Pāṭiliputta* có vị Hoàng Đế tên *Asoka* (A-Dục), Ngài rất sùng đạo và đã cho kiến tạo tám muôn bốn ngàn ngôi tháp với ý nghĩa là cúng dường tám muôn bốn ngàn pháp uẩn mà bậc Đạo Sư đã để lại cho đời. Công trình xây dựng các ngôi tháp kéo dài suốt bảy tháng bảy ngày mới hoàn thành. Trong khi công việc còn đang dở dang, thì Ác Ma thiên tử lại hiện xuống phá rối, nhưng đã bị Trưởng lão *Upagutta* dùng thần lực nhiếp phục. Nhờ Ngài Trưởng lão cảm hoá, Ác Ma thiên tử hồi tâm, hối lỗi đem lòng quy ngưỡng Tam Bảo và phát nguyện trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác trong tương lai.

PHẦN PHỤ GIẢI VỀ SÁU CỠ TRỜI DỤC GIỚI

Có một vấn đề vẫn được bàn cãi giữa những người nghiên cứu, về đời sống tinh cảm của Chư Thiên trong sáu cõi trời Dục giới là hình thức làm tình trên sáu cõi ấy như thế nào; khác nhau hay giống nhau.

Theo ý kiến của một số vị Giáo Thọ Sư (*Keciācariyā*) thì Chư Thiên ở cõi Đạo Lợi và Tứ Thiên Vương cũng có hình thức làm tình như nhân loại, nghĩa là vẫn có những chi tiết thô thiển. Đối với Chư Thiên cõi Dạ Ma thì có khá hơn một chút, họ thoả mãn nhục cảm bằng những nụ hôn và sự xúc chạm của hai cơ thể. Về sinh hoạt tình dục của Chư Thiên cõi Đâu Suất, Thiên nam cùng Thiên nữ nắm tay nhau thôi. Các vị trời ở cõi Hoá Lạc chỉ cần nhìn nhau mỉm cười. Còn đối với Chư Thiên Tha Hoá Tự Tại thì tế nhị nhất, họ chỉ nháy mắt với người khác phái và như thế cũng đã thấy quá đủ.

Nhưng theo các Ngài chú giải sư (*Atthakathācariya*) thì hình thức làm tình trên sáu cõi trời dục giới chẳng có gì là khác biệt với nhân loại như trong số giải kinh *Sangīti* (*Sumaṅgalavilāsini* 3/249) có nói: "*Channampi kāmā vacarānaṃ kāmāpākatikā eva*: sinh hoạt tình dục của Chư Thiên trên sáu cõi trời Dục giới cũng bình thường như nhân loại thôi".

Lại nữa, chư vị chú giải sư, còn bác bỏ ý kiến của các giáo thọ sư, nói trên như sau, trong: *Suttatapāthikavaggatthakathā*¹³: *Evamā pana natthīti paṭikkhittam, na hi kāyena aphussantassa phoṭṭhabbam kāmakiccaṃ sādheti*: một khi không có sự xúc chạm cơ thể thì không thể nói là làm tình được".

Các Ngài phụ giải sư (*ṭikācariya*) cũng đồng ý với chư vị chú giải sư qua câu nói sau đây trong *Terasakaṇḍavimayaṭikā*¹⁴: "*Manussā viya hi te dvayaṃ dvayaṃ samāpattivaseneva methunaṃ paṭisevanti*; Chư Thiên trên sáu cõi trời Dục giới cũng làm tình bằng cách ôm chặt lấy nhau như nhân loại".

Có điều đáng ghi rằng (đối với tất cả Chư Thiên không có tình trạng xuất tinh) còn trong bộ *Jerasakaṇḍavimayaṭikā* lại trích lời Ngài giáo thọ sư *Dhammapāla* (người tích lan) xác nhận điều đó một cách hạn chế hơn: *khīṇāsavāsaṃ pana brahmāṇaṃ sambhavo natthīti, ācariyadhammapālattherena vuttam* (chỉ có bậc lậu tận và Chư Phạm Thiên mới không xuất tinh). Tiếng lậu tận ở đây ám chỉ cho hai tầng thánh quả cao nhất.

Vấn đề giải quyết sinh lý chỉ có ở cõi dục giới, và chỉ có đối với hai tầng thánh thấp cùng tất cả phàm phu. Trong số các phàm phu, ta còn phải kể rõ một vài trường hợp ngoại lệ là đối với chúng sanh dưới địa ngục và giống ngạ quỷ. *Nijjhāmatanḥhika* đều không bao giờ có việc giao cấu bởi đời sống của chúng là những chuỗi ngày đau đớn

¹³ *Sumaṅgalavilāsini* 3/248

¹⁴ *Sāratthadīpanītikā* 3/3

cùng cực và liên tục nên còn tâm trí nào nghĩ tới nhục dục nữa. Riêng về các loài hữu tình khác ở Dục Giới thì đều bị nhục dục cảm chi phối cả. Để cảnh tỉnh mọi người về khoái lạc xác thịt các Ngài đã nói như sau:

Peteyyasukhasamyuttam

Pipāsacchātapiḷitam

Dutiyasādhakam kāmam

Jeguccheyyam. Na kim budhā

“Trí nhân không sao yếm ly được khoái lạc nhục cảm một khi vẫn còn bị ám ảnh bởi những khao khát, thèm thuồng về nó. Khoái lạc nhục dục chẳng khác gì niềm hạnh phúc chợt đến chợt đi của loài ngựa quý!”

Nếu bàn về phương diện Phật Pháp ngay thời điểm hiện tại thì ta phải nhìn nhận một điều là trên thiên giới có nhiều điểm ưu thắng hơn cõi nhân loại. Tại sao lại như vậy? Bởi vì vào thời kỳ Bạc Đạo Sư, còn tại thế, mỗi xứ trong Diêm Phù Đề (Ấn Độ) đều có rất nhiều Thánh cư sĩ và họ đã lần lượt nhau sanh lên các tầng trời. Thế là số lượng thánh chúng trên cõi trời đã tăng vọt. Riêng số lượng thiên nhân chứng đạt thánh quả, trên các cõi trời thì phải nói là không thể đếm được, vì cứ mỗi lần đức Thế Tôn thuyết giảng một bài kinh đặc biệt (như kinh Chuyển Pháp Luân) kinh Đại Hội, kinh Đại Niệm Xứ, kinh Vô Ngã Tướng, kinh Bình Tâm – *samacittasutta*...) thì có đến hàng vạn hàng ức vị trời đắc quả, nhất là vào dịp Ngài thuyết tạng Thắng Pháp, những con số đó được nhân lên nhiều lần. Trong khi đó ở cõi người, ngày một vắng bóng

thánh nhân, thậm chí cho đến nay, hầu như không còn ai nữa.

Sở dĩ có tình trạng đáng buồn, hơn thế nữa, đáng lo ngại như vậy là vì vào thời buổi bây giờ trong thế giới nhân loại không có được mấy người chuyên tu thiền Quán. Đã thế, sự chứng đạt thánh quả luôn đòi hỏi phải hội đủ bảy yếu tố tiêu chuẩn mà đối với loài người bây giờ thật không dễ gì thành tựu trọn vẹn:

1. Phải là người tam nhân
2. Phải có một vốn liếng trí tuệ về Thiền Quán từ đời trước.
3. Phải có những nỗ lực đáng kể ngay đời hiện tại tức lúc gia công tu Quán.
4. Phương pháp thực hành phải đúng theo chánh tạng và chú giải (*Atthakathā*)
5. Phải có một trú xứ thích hợp
6. Phải thật sự rỗi rảnh thoải mái, không bị phân tâm bởi thập quái niệm (mười điều ràng buộc-*Palibodha*)
7. Phải tu tập đúng thời, hợp lúc

Và một lý do quan trọng khác nữa đã dẫn đến tình trạng thiếu vắng Thánh nhân ở cõi người, là phần đông ai cũng tu quán như là một thói học đòi làm thánh lồ bịch. Họ tu quán vì nhiều động cơ hạ đẳng hoặc vì danh, hoặc vì lợi. Lý tưởng tầm thường đó được phát họa qua những suy nghĩ, những tính toán:

- Mọi người sẽ biết ta là người tu tập thiền Quán, đó là một vinh dự đáng kể.

- Với danh nghĩa một tu sĩ chuyên tu thiền Quán, ta sẽ được hộ độ dồi dào.

- Trong chánh tạng, bậc Đạo Sư còn nêu rõ năm điều tiên quyết (*padhāniyaṅga*) để mỗi người có thể dựa vào đó mà tự xác định được rằng mình có thể chứng ngộ thánh quả ngay đời hiện tại hay không:

1. Phải có niềm vui tịnh tín tuyệt đối vào Tam Bảo vào vị Thiền Sư.
2. Phải có một cơ thể mạnh khoẻ, vô bệnh.
3. Không dối thầy dối bạn, nghĩa là phải thật sự trung thực đối với thiền Sư cùng các thiền sinh đồng môn.
4. Phải dám lập nguyện hy sinh tánh mạng và xương máu của mình cho công phu tu Quán.
5. Ít nhất cũng đạt đến sanh diệt tuệ của thiền Quán (*Udayabbayañāṇa*)

Y cứ vào năm điều tiên quyết này của một người muốn chứng ngộ thánh quả ngay đời hiện tại, thiền sinh có thể tự tìm hay không trong quá trình tu quán của mình. Chỉ cần khiếm khuyết một trong năm chi tiên quyết thì xem như đạo quả ngay đời hiện tại đã nằm ngoài tầm tay thiền sinh.

Nói chung, nơi nào có đông đảo giáo đồ thì nơi đó Phật Pháp phát triển mạnh mẽ. Vì vậy, nếu xét trên mặt địa bàn xiển dương Phật Giáo thì trên thiên giới gần như là một thánh địa bởi vì ở đó có một lực lượng thánh nhân quá đông đảo hùng hậu và số thiên chúng quy ngưỡng Tam Bảo cũng đông hơn số lượng Phật Giáo đồ ở cõi người, nhưng tuy vậy, nói về những thiện sự tích cực trong công

cuộc xiển dương chánh pháp thì ở cõi nhân loại ưu thắng hơn, trên thiên giới. Bởi vì chỉ có ở cõi người, Tam Tạng mới được truyền thừa bằng nhiều cách: giảng dạy, học tập, thuyết giảng và thính văn. Còn trên thiên giới, các vị trời chỉ làm được hai việc thuyết pháp và thính pháp. Cho nên ta thấy rõ ràng là Phật Pháp ở cõi nhân loại tuy kém phần ồ ạt nhưng lại le lói trong những nỗ lực tích cực thay vì trên thiên giới thì có phần tiêu cực hơn, và lại, trên thiên giới cũng không có Chư Tăng như ở cõi người. Đó là những nét ưu thắng của Phật Pháp dưới cõi nhân loại mà thiên giới không thể bì được.